TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/HNGĐ-ST.
Ngày 11 - 02 - 2026.
V/v tranh chấp: "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và bà Nguyễn Thị Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Là Thư ký tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Vũ Bá Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2025 về việc "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị T, sinh ngày 08/8/1992; Hộ chiếu số: C4147753.

Nơi thường trú trước khi xuất cảnh: Tổ 4, phường PV, tỉnh Ninh Bình.

Nơi ở hiện nay: Số 11, hẻm 53, đoạn 2, đường Shuanglian, Lý Song Liên, khu Bình Trấn, thành phố Đào Viên, Đài Loan (Trung Quốc).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nhận các văn bản tố tụng:

1/ Ông Đặng Hồng Sơn, sinh năm 2001.

2/ Ông Trần Mạnh Cường, sinh năm 2003.

Cùng địa chỉ: Số 90, Trung Kính, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

**** Bị đơn:*** Anh Trần Sĩ Q, sinh ngày 22/8/1987; số CCCD: 035087004381.

Địa chỉ: Số nhà 164, ngõ 126, đường HVT, tổ 4, phường PV, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên toà cả chị T và anh Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày: Chị Trần Thị T và anh Trần Sĩ Q kết hôn vào ngày 24 tháng 12 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là phường Phù Vân, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn, chị T và anh Q chung sống hạnh phúc cùng nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do cả hai không còn hòa hợp về tính cách, không có sự thông cảm, không quan tâm đến nhau, do vậy không có sự thấu hiểu và yêu thương nhau. Năm 2018 để phát triển kinh tế gia đình chị T đã sang Đài Loan (Trung Quốc) để làm việc. Quá trình làm việc tại Đài Loan (Trung Quốc), chị T và anh Q chỉ giữ liên lạc với nhau qua điện thoại, không có điều kiện gần gũi, chia sẻ do đó tình cảm ngày

càng phai nhạt. Chị T và anh Q đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Trong thời gian ly thân, mặc dù chị T cũng đã tìm cách nói chuyện, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên nội ngoại cũng đã nhiều lần khuyên bảo, tạo điều kiện để vợ chồng hòa giải, đoàn tụ nhưng không thành. Đến nay chị T không muốn duy trì cuộc hôn nhân không còn tình cảm và có quá nhiều mâu thuẫn, vì vậy chị T đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Q.

* Quá trình giải quyết tại tòa bị đơn anh Trần Sĩ Q trình bày: Anh Q xác nhận về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị T đã trình bày là đúng. Anh Q công nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cuộc sống thiếu thốn về kinh tế, khó khăn khiến hôn nhân không còn hạnh phúc. Từ cuối năm 2018 chị T đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, từ đó vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại và chỉ trao đổi về các vấn đề liên quan đến con cái còn tình cảm vợ chồng thì không còn. Nay chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh Q cũng đồng ý vì anh Q xác định vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa.

* Về con chung: Chị T và anh Q có một con chung là cháu Trần Bảo T, sinh ngày: 02/07/2011. Khi ly hôn vợ chồng thống nhất giao cháu Trần Bảo T cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi cháu T trưởng thành, tự lập được. Chị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng xác định không có tài sản chung và công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Nguyện vọng của cháu Trần Bảo T: Khi bố mẹ ly hôn cháu T có mong muốn được ở với bố là anh Trần Sĩ Q.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay:

Chị T và anh Q đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc chấp hành pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/NQ - QH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Sĩ Q.

Về con chung: Giao anh Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

con chung là cháu Trần Bảo T, sinh ngày 02/7/2011 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được. Chị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q.

Về án phí ly hôn: Chấp nhận sự tự nguyện của chị T nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, nộp cả cho anh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trần Sĩ Q có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại tổ 4, phường PV, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" giữa chị Trần Thị T và anh Trần Sĩ Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị T và bị đơn anh Trần Sĩ Q vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt chị T và anh Q tại phiên tòa được thực hiện theo quy định tại các Điều 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh Q là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam (nay là phường Phù Vân, tỉnh Ninh Bình) nên đã thoả mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau kết hôn chị T và anh Q đã cùng nhau chung sống hạnh phúc một thời gian khá dài làm nền tảng cho một gia đình bền vững. Tuy nhiên do những khó khăn về kinh tế, những áp lực về lo toan trong cuộc sống đã khiến cho vợ chồng trở nên căng thẳng, nhiều mâu thuẫn xảy ra và không giải tỏa được. Từ đó tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không có sự sẻ chia và thông cảm với nhau. Từ năm 2018 chị T đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (Trung Quốc) và từ đó vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại để trao đổi những vấn đề liên quan đến con chung còn tình cảm vợ chồng thì không còn nữa. Nay cả chị T và anh Q đều nhận thấy không thể duy trì cuộc hôn nhân không còn tình cảm vì vậy anh chị cùng đề nghị Tòa án giải quyết cho anh, chị được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn giữa chị T và anh Q là phù hợp. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Q.

[4] Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Trần Sĩ Q đều thống nhất vợ chồng có một con chung là cháu Trần Bảo T, sinh ngày 02/07/2011, từ khi chị T đi xuất khẩu lao động đến nay, cháu Trần Bảo T do anh Trần Sĩ Q và bố mẹ anh Q trông nom, chăm sóc. Khi ly hôn cả chị T và anh Q đều thống nhất giao cháu Trần Bảo T cho anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và phù hợp với thực tế, nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị T và anh Q. Chị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Q.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị T nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, nộp thay cho anh Trần Sĩ Q.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-NĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

1/ Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Trần Sĩ Q.

2/ Về con chung: Giao anh Trần Sĩ Q được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trần Bảo T, sinh ngày 02/7/2011 cho đến khi cháu Trần Bảo T đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị Trần Thị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Trần Sĩ Q.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T và anh Q mỗi người phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị T nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0002455 ngày 31/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị T được nhận lại 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, chị T, anh Q được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- THA dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Phù Vân, tỉnh Ninh Bình
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Xuyên